

**BÀI BÁO NGHIÊN CỨU GỐC****Nhận thức của cha mẹ/người chăm sóc chính về phòng chống đuối nước trẻ em dưới 15 tuổi tại 8 tỉnh ở Việt Nam năm 2018**Hoàng Thùy Dung<sup>1\*</sup>, Trần Thị Ngân<sup>1</sup>, Trần Thu Phương<sup>1</sup>, Vũ Hải Đăng<sup>1</sup>, Phạm Việt Cường<sup>1</sup>, Đoàn Thu Huyền<sup>2</sup>**TÓM TẮT****Mục tiêu:** Mô tả nhận thức của cha mẹ/người chăm sóc trẻ về phòng chống đuối nước cho trẻ em dưới 15 tuổi tại 8 tỉnh, Việt Nam năm 2018.**Phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu cắt ngang trên 849 đối tượng là cha mẹ hoặc người chăm sóc chính đại diện cho các hộ gia đình có trẻ dưới 15 tuổi đang sinh sống trong cùng địa bàn với các trường hợp đuối nước được thống kê trong giai đoạn 2015-2017. Thông tin được thu thập qua phỏng vấn định lượng dựa trên bộ câu hỏi cấu trúc.**Kết quả:** Nhận thức của cha mẹ/người chăm sóc trẻ về nguy cơ và dự phòng đuối nước khá tốt, 98,4% phụ huynh cho rằng ao hồ, sông suối là những địa điểm dễ xảy ra đuối nước nhất, trẻ nam có nguy cơ đuối nước cao hơn nữ; 92,1% cho rằng học bơi là biện pháp phòng chống đuối nước hiệu quả và trẻ nên bắt đầu học bơi ở nhóm tuổi 6-11(61,8%).**Kết luận:** Phụ huynh đã nhận thức được về các yếu tố nguy cơ, nguyên nhân, khả năng xảy ra cũng như các biện pháp phòng chống đuối nước cho trẻ.**Từ khóa:** đuối nước, nhận thức, nhu cầu, phòng chống đuối nước.**ĐẶT VẤN ĐỀ**

Đuối nước là một trong những vấn đề y tế công cộng toàn cầu. Theo số liệu thống kê gánh nặng bệnh tật toàn cầu năm 2017, ước tính trên thế giới có trên 295.000 trường hợp tử vong do đuối nước, chiếm hơn 16 triệu DALYs (1). Trên 90% trường hợp xảy ra ở các nước có thu nhập thấp và trung bình (LMICs) và hơn một nửa số trường hợp đuối nước trên thế giới xảy ra ở khu vực Tây Thái Bình Dương và Đông Nam Á (2, 3). Tại Việt Nam, đuối nước là nguyên nhân tử vong hàng đầu do tai

nạn thương tích trong nhóm trẻ từ 2-14 tuổi. Theo số liệu gần đây nhất về đuối nước tại Việt Nam năm 2014, số người tử vong do đuối nước lên tới 5.767 người, và 46% xảy ra ở trẻ em dưới 15 tuổi (4). Nhận thức của cha mẹ, người chăm sóc trẻ tại cộng đồng về vấn đề đuối nước cũng là một vấn đề cần được quan tâm khi triển khai các can thiệp tại cộng đồng. Nghiên cứu về kiến thức, thái độ, thực hành của cha mẹ về phòng chống đuối nước tại khu vực nông thôn Philippines cho thấy kiến thức phòng ngừa và thực hành giám sát trẻ đều đạt tỉ lệ cao (65-99%), tuy nhiên kiến thức phòng

**\*Địa chỉ liên hệ:** Hoàng Thùy Dung

Email: htd1@huph.edu.vn

<sup>1</sup>TT Nghiên cứu Chính sách và Phòng chống Chấn thương, Trường Đại học Y tế công cộng<sup>2</sup>Tổ chức Vận động Chăm sóc Sức khỏe toàn cầu

Ngày nhận bài: 17/09/2019

Ngày phản biện: 04/10/2019

Ngày đăng bài: 31/12/2019

ngừa cho các tình huống cụ thể và địa điểm nguy cơ cần được cải thiện (5). Một khảo sát cắt ngang về các yếu tố nguy cơ đuối nước và nhận thức của cộng đồng tại Bangladesh cũng chỉ ra rằng cộng đồng đã có kiến thức về nguy cơ như ao, ruộng là địa điểm thường xuyên xảy ra đuối nước và hầu hết các vụ đuối nước được báo cáo xảy ra vào buổi trưa. Tuy nhiên, người dân trong cộng đồng nhận thức sai lầm về độ tuổi dễ xảy ra đuối nước nhất là từ 5-10 tuổi, khác biệt với số liệu thực tế ngay tại địa phương, lứa tuổi có tỉ lệ tử vong do đuối nước cao nhất là từ 6-15 tuổi (6).

Theo khảo sát ban đầu về nguyên nhân các trường hợp tử vong do đuối nước ở trẻ tại địa bàn nghiên cứu cho thấy đuối nước xảy ra ở tất cả các nhóm trẻ em, trong đó nhóm từ 6-15 tuổi có tỷ suất tử vong cao nhất chiếm 42,3% và 31,5% ở nhóm trẻ dưới 3 tuổi. 2/3 số trẻ đuối nước là nam, khoảng thời gian từ tháng 5-10 là giai đoạn có số trường hợp tử vong do đuối nước cao nhất trong năm, và thời điểm giữa 7-17h là thời điểm nguy cơ cao nhất trong ngày. Sông, ao trong khuôn viên nhà và ao, hồ, sông suối ngoài nhà là những khu vực nguy hiểm dễ xảy ra đuối nước và hầu hết tất cả các trường hợp tử vong do đuối nước trẻ em (99,2%) đều xảy ra tại các khu vực này. Trẻ tử vong ở địa điểm trên 600m so với nhà, tuy nhiên khoảng cách trung bình từ nhà đến nơi xảy ra đuối nước có sự khác nhau giữa các tỉnh. Điều đáng chú ý đó là đối với các tỉnh Ninh Bình, Đồng Tháp và Sóc Trăng thì có những khu vực nước tự nhiên nhiều hơn nên khoảng cách nơi trẻ đuối nước chỉ khoảng trong vòng 200m so với nhà. Hầu hết các trường hợp đuối nước ở trẻ đều xảy ra khi trẻ đi chơi hoặc đi bơi cùng bạn bè. Có hơn 50% trường hợp trẻ đuối nước không nhận được bất kỳ cứu giúp hay hỗ

trợ nào và khi được phát hiện thì khoảng 95% trẻ đã tử vong (4).

Để giảm thiểu gánh nặng do đuối nước trẻ em, chương trình can thiệp phòng chống đuối nước ở trẻ em dưới 15 tuổi sẽ được thực hiện tại Việt nam trong giai đoạn 2018-2023 (7). Dự án dự kiến triển khai 2 mô hình can thiệp: dạy bơi an toàn cho trẻ 6-15 tuổi và giám sát an toàn cho trẻ dưới 6 tuổi. Qua nghiên cứu điều tra hộ gia đình có con dưới 15 tuổi tử vong do đuối nước

Bài báo này được trích xuất từ điều tra ban đầu của nghiên cứu ban đầu của **dự án can thiệp phòng chống đuối nước trẻ em Việt Nam** nhằm đạt mục tiêu mô tả nhận thức của cha mẹ/người chăm sóc chính về phòng chống đuối nước trẻ em dưới 15 tuổi tại 8 tỉnh ở Việt Nam năm 2018.

## PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

**Thiết kế nghiên cứu:** Mô tả cắt ngang

**Địa điểm và thời gian nghiên cứu:** Nghiên cứu được thực hiện trên 29 huyện của 8 tỉnh dự án bao gồm: Lào Cai, Yên Bái, Ninh Bình, Quảng Bình, Thanh Hóa, Đắk Lắk, Sóc Trăng, Đồng Tháp từ tháng 5 đến tháng 10/2018.

**Đối tượng nghiên cứu:** là cha mẹ/người chăm sóc trẻ dưới 15 tuổi đang sinh sống trong cùng địa bàn với các trường hợp đuối nước được thống kê trong giai đoạn 2015-2017.

**Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu**

Tất cả các huyện nghiên cứu được lựa chọn là những huyện có tỉ suất đuối nước trẻ em cao, chính quyền địa phương hợp tác với dự án thực hiện can thiệp. Mẫu của nghiên cứu được chọn theo phương pháp chọn mẫu cụm tại cộng đồng.

Nhóm nghiên cứu lập danh sách các trẻ dưới 15 tuổi tử vong do đuối nước tại địa phương dựa trên sổ thống kê tử vong A6 của trạm Y tế xã và thống kê đuối nước của Phòng lao động thương binh xã hội huyện, có tổng cộng 290 trường hợp đuối nước đã được xác định. Dựa trên danh sách sách này, toàn bộ các hộ gia đình có con dưới 15 tuổi sống cùng thôn với các trường hợp đuối nước được xác định. Mỗi hộ gia đình chọn đại diện 1 đối tượng là cha, mẹ hoặc người chăm sóc chính của trẻ. Tổng số 849 hộ gia đình phù hợp với các tiêu chí được chọn mẫu.

### Biến số nghiên cứu

Các biến số chính được thu thập trong bộ câu hỏi cấu trúc bao gồm: thông tin chung, tuổi, giới, trình độ học vấn, số con dưới 15 tuổi, khoảng cách từ nhà đến trường, nhận thức về đuối nước.

### Phương pháp và công cụ thu thập số liệu

Một đại diện hộ gia đình là cha mẹ/người chăm sóc chính được phỏng vấn bằng bộ câu hỏi có cấu trúc.

### Xử lý và phân tích số liệu

Số liệu được thu thập bằng phần mềm Kobo toolbox, nghiên cứu sử dụng thống kê mô tả đơn biến bằng phần mềm stata 14.0

### Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu đã được thông qua theo quyết định của Hội đồng Đạo đức trường Đại học Y tế công cộng số 018-370/DD-YTCC. Phòng vấn viên giới thiệu thông tin nghiên cứu và xin phép sự đồng ý tham gia của người trả lời trước khi tiến hành phỏng vấn. Các số liệu chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu và thông tin cá nhân được bảo mật hoàn toàn.

### KẾT QUẢ

Có 849 đối tượng đại diện cho các hộ gia đình có con dưới 15 tuổi đã tham gia phỏng vấn tại 8 tỉnh tại Việt Nam và có tổng cộng 1.445 trẻ dưới 15 tuổi trong các hộ gia đình này.

**Bảng 1. Thông tin chung của đối tượng tham gia nghiên cứu (n=849)**

	Đặc điểm	n	%
<b>Giới tính</b>	Nam	243	28,6
	Nữ	606	71,4
<b>Nhóm tuổi</b>	<30	199	23,4
	30-45	484	57,0
	46-55	97	11,4
	55+	69	8,1
<b>Trình độ học vấn</b>	Chưa đi học	45	5,3
	Cấp 1/ Tiểu học	142	16,7
	Cấp 2/ THCS	241	28,4
	Cấp 3/THPT	189	22,3
	Cao đẳng/đại học/sau đại học	232	27,3

	<b>Đặc điểm</b>	<b>n</b>	<b>%</b>
<b>Nghề nghiệp</b>	Nông dân/ngư dân	371	43,7
	Cán bộ viên chức nhà nước	268	31,6
	Làm việc cho cơ quan ngoài nhà nước	26	3,1
	Tiểu thương/dịch vụ/tự do	112	13,2
	Nội trợ/không đi làm	66	7,8
	Khác	6	0,7
<b>Tình trạng hôn nhân</b>	Độc thân	13	1,5
	Kết hôn và sống cùng vợ, chồng	882	96,8
	Ly dị	9	1,1
	Khác	5	0,6

Một số thông tin chung của đối tượng nghiên cứu được trình bày ở bảng 1. Người trả lời đa số là nữ (71,4%) và hơn một nửa thuộc nhóm từ 30-45 tuổi. 1/2 đối tượng nghiên cứu có

trình độ THPT trở lên. Nghề nghiệp chiếm tỉ lệ cao nhất là nông dân/ngư dân, và đứng thứ 2 là làm việc cho các cơ quan nhà nước, gần 97% các gia đình kết hôn và sống cùng vợ, chồng.

**Bảng 2. Thông tin chung về trẻ dưới 15 tuổi đang sống trong gia đình (n=1442)**

	<b>Đặc điểm</b>	<b>n</b>	<b>%</b>
<b>Giới tính</b>	Nam	734	50,9
	Nữ	708	49,1
<b>Nhóm tuổi</b>	1 - <3	241	16,7
	3 - 5	393	27,3
	6 - 15	808	56,0
<b>Khả năng bơi của trẻ từ 6-15 tuổi</b>	Đã biết bơi	118	14,6
	Chưa biết bơi	690	85,4
<b>Lớp học/cấp học của trẻ</b>	Chưa đi học	308	21,4
	Trường mầm non	397	27,5
	Cấp 1/Tiểu học	529	36,7
	Cấp 2/THCS	208	14,4
<b>Thời gian học tại trường</b>	Buổi sáng	162	14,3
	Buổi chiều	49	4,3
	Cả ngày (ngủ trưa tại lớp)	491	43,3
	Cả ngày (trưa về nhà)	432	38,1
<b>Người đi học cùng</b>	Đi 1 mình	143	12,6
	Đi với bạn	290	25,6
	Cha mẹ đưa đi	692	61,0
	Khác	9	0,8

Thông tin chung về trẻ dưới 15 tuổi đang sống cùng các đối tượng được khảo sát trong cộng đồng được mô tả trong bảng 2. Tỷ lệ trẻ nam và nữ tương đương nhau, đa số thuộc nhóm từ 6-15 tuổi và gần 80% trẻ đã đi học. Trong số

các trẻ đã đi học có tới 43,4% trẻ ở trường cả ngày và ngủ trưa tại lớp và 38% về nhà buổi trưa. Đa số trẻ đều có cha mẹ đưa đón. Đặc biệt, trên tổng số 808 trẻ từ 6 đến 15 tuổi, có tới 85,4% số trẻ chưa biết bơi.

**Bảng 3. Nhận thức, kiến thức của cha mẹ/người chăm sóc trẻ về vấn đề đuối nước và phòng chống đuối nước**

Nhận thức của ĐTNC về nhóm nguy cơ cao bị đuối nước		n	%
<b>Nhận thức về các yếu tố cá nhân</b>	Tuổi (6-15 tuổi)	515	60,7
	Giới tính (nam)	627	73,6
<b>Nhận thức về các yếu tố môi trường</b>	Địa điểm (sông suối, ao/hồ tự nhiên)	835	98,4
	Thời gian trong ngày (12-17h)	572	67,4
	Các tháng trong năm (từ tháng 5-10)	802	94,5
<b>Nhận thức về nguy cơ đuối nước ở trẻ</b>	Là nguyên nhân hàng đầu gây tử vong ở trẻ em	543	64,0
	Khả năng bơi của trẻ kém	751	88,5
	Bơi tại những nơi nguy hiểm	312	36,8
	Thiếu sự giám sát của người lớn	674	79,4
	Thiếu rào chắn ở những nơi nguy hiểm	379	43,6
	Thiếu kiến thức về phòng chống đuối nước	358	42,2
<b>Các biện pháp phòng ngừa</b>	Không có biển cảnh báo nguy hiểm	280	33,0
	Cho trẻ học bơi	782	92,1
	Tăng cường giám sát trẻ	439	51,7
	Loại bỏ các yếu tố nguy cơ của môi trường	684	80,6

Nhìn chung phụ huynh có nhận thức khá tốt về các yếu tố cá nhân, môi trường và các biện pháp phòng ngừa đuối nước. Cụ thể, 73,6% người trả lời biết rằng trẻ nam bị đuối nước nhiều hơn so với trẻ nữ, có tới 98,4% phụ huynh trả lời đúng rằng ao hồ tự nhiên, sông suối là những địa điểm dễ xảy ra đuối nước nhất, gần 90% người chăm sóc biết rằng trẻ chết đuối là không biết bơi. Tuy nhiên,

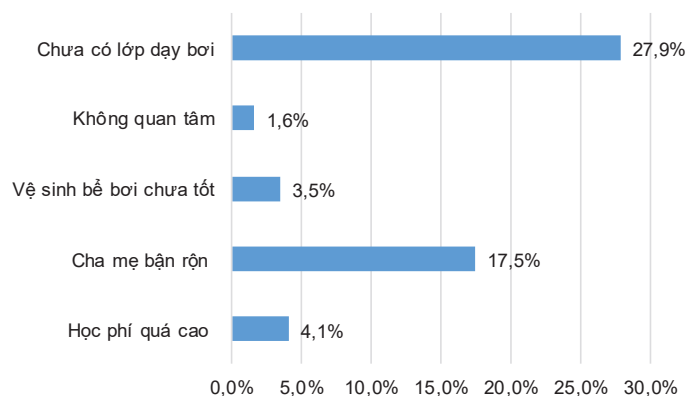
chỉ có 64% số phụ huynh biết đuối nước là nguyên nhân gây tử vong hàng đầu ở trẻ em và 42,2% cho rằng thiếu kiến thức về đuối nước là một yếu tố nguy cơ. Các biện pháp phòng tránh đuối nước được người chăm sóc lựa chọn gồm có cho trẻ học bơi (92,1%) và loại bỏ các yếu tố nguy cơ của môi trường, biện pháp tăng cường giám sát trẻ ít được lựa chọn hơn (51,7%).

**Bảng 4. Nhận thức của cha mẹ về tầm quan trọng của can thiệp phòng chống đuối nước**

	<b>Đặc điểm</b>	<b>n</b>	<b>%</b>
<b>Tầm quan trọng của học bơi</b>	Rất ít quan trọng	13	1,5
	Quan trọng 1 chút	2	0,2
	Quan trọng	177	20,9
	Rất quan trọng	657	77,4
<b>Tuổi nên bắt đầu học kỹ năng an toàn dưới nước</b>	Dưới 6 tuổi	514	60,5
	6-11 tuổi (cấp 1)	319	37,6
	12 – 15 tuổi (cấp 2)	12	1,4
<b>Tuổi nên bắt đầu học bơi</b>	Dưới 6 tuổi	289	34,1
	6-11 tuổi (cấp 1)	525	61,8
	12 – 15 tuổi (cấp 2)	28	3,3
<b>Tầm quan trọng của nhà giữ trẻ trong phòng chống đuối nước trẻ em (trẻ dưới 5 tuổi)</b>	Không biết	13	1,5
	Rất ít quan trọng	39	4,6
	Quan trọng 1 chút	29	3,4
	Quan trọng	279	32,9
<b>Đưa trẻ đến nhà giữ trẻ an toàn (nếu trông trẻ miễn phí)</b>	Có	761	89,6
	Không	88	10,4

Bảng 4 trình bày về nhận thức của cha mẹ về tầm quan trọng của can thiệp phòng chống đuối nước và sự sẵn sàng tham gia vào mô hình dạy bơi và nhà giữ trẻ an toàn tại địa phương. Kết quả cho thấy phần lớn cha mẹ/người chăm sóc trẻ có thể ý thức được tầm quan trọng của việc học bơi và nhà giữ trẻ an

toàn để phòng chống đuối nước cho trẻ em. Đa số phụ huynh cho rằng tuổi nên bắt đầu học kỹ năng an toàn dưới nước là khoảng dưới 6 tuổi (60,5%) và bắt đầu học bơi khi trẻ đang học tiểu học (61,8%). Nếu có nhà trẻ miễn phí, có tới 89,6% số phụ huynh sẵn sàng đưa con đến nhà trẻ.

**Biểu đồ 1. Lý do chưa cho trẻ từ 6-15 tuổi học bơi (N=808)**

Biểu đồ trên mô tả những lý do chưa cho trẻ đi học bơi của các đối tượng nghiên cứu. Lý do phổ biến nhất là chưa có lớp dạy bơi ở gần (27,9%) và cha mẹ bận rộn không đưa con đi học bơi được (17,5%).

## BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy cha mẹ/người chăm sóc trẻ đã nhận thức khá tốt về sự nguy hiểm của đuối nước và đã có kiến thức cơ bản về phòng chống đuối nước. Về các yếu tố nguy cơ của đuối nước, đa số họ nhận thức được địa điểm nguy cơ đuối nước cao là ao, hồ, sông. Sau khi đối chiếu với thống kê về các trường hợp tử vong do đuối nước tại địa phương, kết quả này phù hợp với tình hình thực tế. Kết quả trên cũng tương tự với kết quả nghiên cứu tại Bangladesh năm 2010: các khu vực nước tự nhiên là nơi thường xảy ra đuối nước nhất và hơn 40% xảy ra trong ao (6). Nghiên cứu cũng đã chỉ ra phụ huynh có nhận thức đúng đắn hơn về độ tuổi dễ xảy ra đuối nước là từ 6-15 tuổi so với nghiên cứu tại Bangladesh. Tuy nhiên tỉ lệ phụ huynh cho rằng việc cần rào chắn ở những nơi nguy hiểm hay biển cảnh báo là cần thiết cho việc phòng ngừa đuối nước lại không đến 50%, điều này khác biệt với nghiên cứu tại Bangladesh khi những người tham gia đề nghị rằng nên lấp những ao, mương không cần thiết và nên rào ao và những khu vực nguy hiểm (6). Đa số phụ huynh hơn 80% nhận thức rằng việc không biết bơi và khoảng thời gian mùa hè là những yếu tố nguy cơ đối với đuối nước. So với thực trạng đuối nước trên địa bàn 8 tỉnh tiến hành nghiên cứu, có thể thấy cha mẹ/người chăm sóc trẻ chính đã có nhận thức đúng về vấn đề đuối nước trẻ em tại địa bàn.

Sự giám sát không chặt chẽ của gia đình và cộng đồng cũng là một mối nguy cơ lớn về tai nạn thương tích cho trẻ em (8). Phụ huynh đã

có nhận thức tốt về tầm quan trọng của việc giám sát trẻ, thể hiện ở việc 90% trẻ từ 3-5 tuổi đã được đi học ở trường mầm non hay nhà giữ trẻ và 50% số trẻ từ 1-3 tuổi đã được gửi tại các lớp trông trẻ, số còn lại được chăm sóc bởi cha mẹ, ông bà hoặc người thân tại nhà. 79,4% phụ huynh cũng cho rằng thiếu sự giám sát của người lớn là nguyên nhân gây ra đuối nước ở trẻ em và gần 90% nhận thấy tầm quan trọng của nhà giữ trẻ trong phòng chống đuối nước với trẻ dưới 5 tuổi.

Trên thực tế, hầu hết trẻ từ 6-15 tuổi (85,4%) chưa biết bơi và thiếu những kỹ năng an toàn khi ở dưới nước. Mặc dù 92,1% người được hỏi cho rằng học bơi là biện pháp cần thiết để phòng chống đuối nước cho trẻ và hơn 60% cho rằng nên bắt đầu học bơi ở độ tuổi từ 6 đến 11 tuổi. Có thể thấy rằng có sự khác biệt lớn giữa nhận thức của cha mẹ/người chăm sóc chính của trẻ và thực tế trong việc học bơi của trẻ. Khi được hỏi về lý do chưa cho con đi học bơi, chưa có lớp dạy bơi, bể bơi ở gần là một trong những lý do lớn nhất khiến các bậc phụ huynh chưa đưa con tới lớp học bơi. Đối chiếu với số lượng các bể bơi trong địa bàn, có thể thấy số lượng bể bơi không đủ để đáp ứng nhu cầu của người dân địa phương, nhiều xã chưa có bể bơi hoặc bể bơi ở rất xa hoặc chưa tổ chức lớp dạy bơi cho trẻ. Các lý do khác cũng được đề cập như lo ngại vệ sinh bể bơi, trẻ nhút nhát, hoặc cha mẹ bận rộn không thể đưa con đi học bơi nên tỷ lệ biết bơi hiện nay rất thấp (10).

## KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Kết quả nghiên cứu cho thấy phụ huynh và người chăm sóc trẻ đã có những nhận thức cơ bản về phòng chống đuối nước cho trẻ em và sẵn sàng tham gia vào các can thiệp tại địa phương về phòng chống đuối nước. Qua nghiên cứu, có thể thấy nhận thức về sự cần

thiết về lớp học bơi tại địa phương là rất cao. Tuy nhiên với thực trạng hiện nay, khả năng đáp ứng nhu cầu còn rất hạn chế. Vì vậy các hoạt động can thiệp của dự án cần lựa chọn đối tượng ưu tiên như những vùng có tỉ lệ trẻ biết bơi thấp hoặc những vùng sâu vùng xa chưa có nhà giữ trẻ an toàn... Phải đặc biệt chú ý thời gian tổ chức để đáp ứng nhu cầu của địa phương và năng lực của dự án.

**Lời cảm ơn:** Nhóm tác giả xin cảm ơn nhà tài trợ Tổ chức Vận động Chăm sóc Sức khỏe toàn cầu (Global Health Advocacy Incubator), sự phối hợp của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, tổ chức Y tế Thế giới tại Việt Nam đã xây dựng và thực hiện dự án tại Việt Nam.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. University of Washington. Global Health Data Exchange 2019 [Available from: <http://ghdx.healthdata.org/gbd-results-tool>].
2. WHO. Global report on drowning Preventing a leading killer. 2014.
3. WHO. Global report on drowning- Preventing a leading killer. 2015.
4. CIPPR. Dự án can thiệp phòng chống đuối nước trẻ em tại Việt Nam- Báo cáo nghiên cứu ban đầu 2018.
5. Guevarra JP, Albornoz R, Go JJ, Basilio JA. Knowledge, attitudes and practices of parents on drowning prevention in a rural community in northern Philippines. *Injury Prevention*. 2010;16(Suppl 1):A55-A6.
6. Rahman A. A Community Based Child Drowning Prevention Programme in Bangladesh: a model for low income countries. Department of Public Health Science. 2010.
7. CIPPR. Kế hoạch triển khai dự án can thiệp phòng chống đuối nước 2018-2019. 2018.
8. World conference on drowning prevention. a century of lifesaving - a challenge to Drowning Prevention. 2013.
9. CIPRB. Activity Report 2014-17. 2017.
10. CIPPR. Chương trình can thiệp phòng chống đuối nước trẻ em tại Đồng Tháp. Phòng chống đuối nước. 2016.

## Parents/caregivers awareness of child drowning prevention in 8 provinces in Vietnam in 2018

*Hoang Thuy Dung<sup>1\*</sup>, Tran Thi Ngan<sup>1</sup>, Tran Thu Phuong<sup>1</sup>, Vu Hai Dang<sup>1</sup>,  
Pham Viet Cuong<sup>1</sup>, Doan Thu Huyen<sup>2</sup>*

<sup>1</sup> Center for Injury Policy and Prevention Research, Hanoi University of Public Health

<sup>2</sup> Global Health Advocacy Incubator

Objectives: Describe the awareness of parents and caregivers about drowning prevention for children under 15 in 8 provinces, Vietnam 2018. Method: Cross-sectional study on 849 people who were parents/ caregivers representing households with children under 15 living in the same area with drowning cases and statistics in the period 2015-2017. Information was collected through quantitative interviews based on questionnaires. Findings: Awareness of parents/ caregivers about drowning risk and prevention is quite good, 98.4% of parents consider ponds, lakes and rivers to be the most likely places for drowning. Boys are at higher risk of drowning than girls; 92.1% said swimming lessons were an effective drowning prevention measure and children should start learning to swim in the 6-11 age group (61.8%). Conclusion: Parents are aware of risk factors, causes, possibilities as well as drowning prevention measures for children.

**Key words:** *child drowning, awareness, needs, drowning prevention.*